

Số: /VP-VX

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2021

V/v lấy ý kiến đối với dự thảo
Kế hoạch triển khai thực hiện
Chiến lược quốc gia về nghiên
cứu, phát triển và ứng dụng Trí
tuệ nhân tạo đến năm 2030,
tỉnh Sóc Trăng

Kính gửi:

- Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Sở Y tế, Thanh tra tỉnh;
tỉnh Sóc Trăng.

Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, tỉnh Sóc Trăng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành,

Thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi dự thảo Kế hoạch nêu trên lấy ý kiến đóng góp của các đồng chí thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng và Lãnh đạo Sở Y tế, Thanh tra tỉnh.

Đề nghị các đồng chí nghiên cứu, góp ý và gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước **ngày 30 tháng 9 năm 2021** để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Trường hợp cần có thêm thời gian để nghiên cứu, đề nghị phản hồi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được biết; sau thời gian nêu trên, nếu các đồng chí không có ý kiến phản hồi được xem như thống nhất với dự thảo Kế hoạch nêu trên.

(Dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, tỉnh Sóc Trăng được đăng tải tại địa chỉ: vpub.soctrang.gov.vn; mục "Góp ý dự thảo văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng")./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Trương Quốc Điền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../KH-UBND

Sóc Trăng, ngày..... tháng 9 năm 2021

Dự thảo

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, tỉnh Sóc Trăng

Thực hiện Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030,

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (TTNT) đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Kế hoạch) với những nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, định hướng chiến lược, nhiệm vụ giải pháp đã được quy định tại Chiến lược quốc gia phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, góp phần tạo thay đổi quan trọng về ứng dụng công nghệ liên quan TTNT trong sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, thúc đẩy phát triển kinh tế tăng trưởng bền vững.

Đẩy nhanh ứng dụng những thành tựu mới trong nghiên cứu, phát triển TTNT gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của tỉnh, phát huy tiềm năng của doanh nghiệp; khai thác các giải pháp TTNT trong hành chính công, quản lý đô thị, quản lý xã hội, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giáo dục đào tạo, thương mại, dịch vụ du lịch...; Đồng thời, khai thác ứng dụng TTNT trong sản xuất thông minh, nông nghiệp thông minh nhằm nâng cao chuỗi giá trị nông sản phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, gắn với dự báo thông minh về tác động của môi trường như ô nhiễm, thiên tai, dịch bệnh, sạt lở, hạn hán, xâm nhập mặn.

Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng TTNT trong cơ quan Nhà nước nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cả hệ thống hệ thống chính trị góp phần thúc đẩy Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh nhằm phát triển ba trụ cột chính là Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số.

2. Yêu cầu

Các hoạt động triển khai Chiến lược quốc gia trên địa bàn tỉnh được thực hiện lồng ghép cụ thể vào kế hoạch của các ngành, đơn vị và địa phương đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, Đề án về Chuyển đổi số tỉnh

Sóc Trăng và Kế hoạch thực hiện chiến lược Quốc gia về Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp về những lợi ích của ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước, đời sống xã hội và sản xuất - kinh doanh; cũng như nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của CNTT trong công cuộc Chuyển đổi số và chủ động tham gia Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Đến năm 2030, Sóc Trăng phấn đấu đạt mức khá về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long và cả nước, trong đó, đảm bảo hệ thống chính trị hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp đổi mới - sáng tạo, doanh nghiệp công nghệ số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp... nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, tăng trưởng bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân; bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, góp phần phát triển Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân về CNTT.

- Ứng dụng và phát huy những thành tựu CNTT mới nhất trong và ngoài nước gắn với các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng rộng rãi CNTT trong dịch vụ công trực tuyến giúp giảm nhân lực bộ máy và giảm thời gian xử lý công việc, chờ đợi và chi phí của người dân.

- Phổ cập những kỹ năng cơ bản về ứng dụng CNTT cho đội ngũ lao động trực tiếp, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo trong sản xuất, giảm chi phí và nâng cao năng suất lao động.

- Đẩy mạnh xã hội sáng tạo, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý hành chính Nhà nước trong phân phối, sử dụng nguồn lực xã hội, quản lý xã hội, quản lý đô thị chăm sóc sức khỏe nhân dân, giáo dục đào tạo, thương mại, dịch vụ du lịch...; Đồng thời, khai thác ứng dụng CNTT trong nông nghiệp nhằm nâng cao chuỗi giá trị nông sản phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương góp phần phát triển kinh tế tăng trưởng bền vững.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo rộng khắp, chuyên sâu theo từng ngành, lĩnh vực và địa phương trong hoạt động của cơ quan Nhà nước nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả và thực thi công vụ; phấn đấu mỗi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan Nhà nước được lựa chọn và tùy biến ứng dụng “Trợ lý ảo” trong công việc nhằm hỗ trợ và tự động hóa các quy trình nghiệp vụ như tổng hợp thông tin, dự báo, báo cáo, sản xuất tin bài, hỗ trợ ra quyết định...; tất cả các hệ thống thông tin dùng chung đều có trang bị hệ thống thông minh có khả năng tự học, tự suy luận và tổng hợp các nhu cầu của người dân, doanh nghiệp, đồng thời tự động trả về kết quả hoặc trả lời cho khách hàng khi có yêu cầu.

- Xây dựng các chính sách ưu đãi để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới - sáng tạo, doanh nghiệp công nghệ số để nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ, sản xuất các sản phẩm theo hướng “Make in Viet Nam”, “Sáng tạo tại Viet Nam”, “Thiết kế tại Viet Nam và sản xuất tại Viet Nam”. Trong đó, quan tâm thúc đẩy ứng dụng công nghệ số vào tổ chức, quản lý và phương thức hoạt động của nền kinh tế địa phương; trọng tâm là phát triển công nghệ Trí tuệ nhân tạo (Artificial intelligence hay Machine intelligence), Chuỗi khối (Blockchains), Dữ liệu lớn (Big data), Điện toán đám mây (Cloud computing), tự động hóa (Automation)...; đưa sản phẩm công nghệ số “Make in Viet Nam” vào giải quyết các bài toán trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, kinh tế - xã hội tại địa phương.

III. NỘI DUNG

1. Phối hợp xây dựng hệ thống và triển khai các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TTNT

- Phối hợp xây dựng, hoàn thiện chính sách và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng TTNT vào sản xuất và đời sống.

- Ứng dụng TTNT lấy con người và doanh nghiệp làm trung tâm, kết nối vùng và mạng lưới cả nước, tránh lạm dụng công nghệ và xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Xây dựng hạ tầng dữ liệu và tính toán cho nghiên cứu, phát triển và ứng dụng TTNT

Hình thành các cơ sở dữ liệu dùng chung, chia sẻ, mở để nghiên cứu, phát triển các ứng dụng TTNT. Xây dựng cơ chế chia sẻ dữ liệu theo nguyên tắc các bên cùng có lợi, tạo động lực để chia sẻ; đồng thời, đảm bảo được phân quyền truy cập dữ liệu, tránh để lộ, lọt thông tin dữ liệu có tính riêng tư của cá nhân hay tổ chức.

3. Phát triển hệ sinh thái TTNT

- Phát triển nguồn nhân lực: Triển khai phổ cập kỹ năng cơ bản về ứng dụng TTNT và khoa học dữ liệu nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo cho thanh thiếu niên trên địa bàn tỉnh. Triển khai các hình thức đào tạo chứng chỉ ngắn hạn và trung hạn về TTNT cho sinh viên, người lao động trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng tổ chức: Thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước xây dựng các trung tâm đào tạo, phát triển và ứng dụng TTNT và khoa học dữ liệu của tỉnh.

- Tổ chức triển khai và ứng dụng một số nền tảng, sản phẩm TTNT cấp thiết và quan trọng trong chuỗi sản xuất, cung ứng các sản phẩm có lợi thế của tỉnh phục vụ thị trường trong nước, hướng đến thị trường trong khu vực và toàn cầu.

- Xây dựng cơ chế, chính sách theo dõi, bồi dưỡng tài năng trẻ về công nghệ số, đặc biệt là lĩnh vực Trí tuệ nhân tạo từ cấp phổ thông (nhất là các trường THPT Chuyên ban) và khuyến khích doanh nghiệp, nhà đầu tư với nhiều hình thức đa dạng để hỗ trợ chi phí đào tạo bậc đại học, trên đại học, đào tạo “theo địa chỉ” và cả đào tạo trong và ngoài nước cho học sinh, sinh viên, người lao động

nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho doanh nghiệp công nghệ số Việt nam tuyển dụng tài năng trong nước và nước ngoài.

- Xây dựng cơ chế để cơ quan Nhà nước được đặt hàng từ doanh nghiệp về phát triển các ứng dụng nền tảng số, nhất là TTNT trong hoạt động của hệ thống chính trị và hoạt động sản xuất - kinh doanh của người dân và doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp liên kết với các trường đại học, học viện đào tạo nhân lực trong và ngoài nước, nghiên cứu phát triển sản phẩm và giải pháp công nghệ số. Khuyến khích các doanh nghiệp có tiềm năng phối hợp với các trường đại học, học viện thành lập “Vườn ươm” cho doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ số (đối tượng học sinh, sinh viên, nhà đầu tư tham gia); đặc biệt là khai thác kết quả các dự án, đề tài nghiên cứu sáng tạo của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, của đội ngũ giáo viên, giảng viên, nghiên cứu sinh và sinh viên... để triển khai ứng dụng vào cuộc sống và phát triển kinh tế - xã hội

4. Thúc đẩy ứng dụng TTNT

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp ứng dụng TTNT đối với các lĩnh vực đã sẵn sàng về dữ liệu, công nghệ và kinh phí đầu tư. Đẩy mạnh triển khai các nền tảng phần mềm và ứng dụng mở về TTNT sẵn có.

- Tập trung ứng dụng TTNT trong quốc phòng an ninh và các lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh. Các sở, ngành, địa phương cần sử dụng các ứng dụng, dịch vụ TTNT nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong phân phối, sử dụng nguồn lực xã hội, nâng cao chất lượng quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, quản lý đô thị.

- Nâng cao năng lực, trình độ, nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, người dân về khoa học dữ liệu và ứng dụng TTNT.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai các văn bản pháp luật có liên quan tới TTNT.

- Tổ chức các sự kiện hoặc lồng ghép nhằm giới thiệu, tuyên truyền về TTNT; hỗ trợ các cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh tham gia các hội thảo, triển lãm, kỳ thi về TTNT trong và ngoài nước.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng dữ liệu cộng đồng theo hình thức của đề án Hệ tri thức Việt số hóa; kết nối các cộng đồng TTNT, cộng đồng khoa học mở ở Việt Nam.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc thúc đẩy sử dụng chung, chia sẻ, mở dữ liệu, công nghệ và ứng dụng TTNT theo hướng đa ngành, liên ngành và xuyên ngành để đẩy nhanh tốc độ hình thành các kết quả và nâng cao hiệu quả đầu ra của các hoạt động nghiên cứu phát triển trong các lĩnh vực khác; tập huấn rộng rãi các nền tảng mở về dữ liệu và ứng dụng TTNT; thúc đẩy các cộng đồng, diễn đàn nguồn mở về TTNT; khuyến khích doanh nghiệp đặt hàng các viện nghiên cứu, trường đại học triển khai nghiên cứu, phát triển sản phẩm TTNT.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Tổ chức các sự kiện hoặc lồng ghép nhằm giới thiệu, tuyên truyền về TTNT nói chung và ứng dụng TTNT trong quản lý đô thị, xã hội và hành chính công.

- Thúc đẩy phát triển hạ tầng internet vạn vật và triển khai các ứng dụng TTNT trong lĩnh vực đảm bảo an toàn dữ liệu, an toàn an ninh mạng của tỉnh; quản lý đô thị, quản lý xã hội và hành chính công...

- Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, dịch vụ dùng chung của tỉnh; phối hợp các sở, ngành, địa phương xây dựng danh mục các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ mà sở, ngành, địa phương tỉnh phải dùng chung, chia sẻ, mở theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; tập trung hình thành các cơ sở dữ liệu hành chính dùng chung, chia sẻ, mở trong quá trình triển khai Chính phủ điện tử; phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành liên quan thực hiện tích hợp dữ liệu dùng chung, chia sẻ, mở của các sở, ngành, địa phương lên Cổng dữ liệu Quốc gia.

- Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, người dân, thanh thiếu niên và học sinh về khoa học dữ liệu và ứng dụng TTNT; đề xuất các giải pháp nâng cao nhận thức về TTNT để các ngành, các cấp, các tổ chức, đoàn thể, cá nhân hiểu rõ vai trò, lợi ích của TTNT, các kỹ năng cơ bản cần thiết phải chuẩn bị để đón nhận, phát triển các ứng dụng TTNT, trong đó quan tâm đến giải pháp nâng cao nhận thức về quản lý thay đổi.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Triển khai các ứng dụng TTNT trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng, trong thông minh hóa, hiện đại hóa trang thiết bị khí tài; trong xây dựng các phương án tác chiến, phòng thủ trên địa bàn tỉnh; phản ứng nhanh đối với chiến tranh mạng, sinh học, hóa học, phòng thủ biên giới biển; các hoạt động cứu hộ, cứu nạn, phòng chống thiên tai và ứng phó sự cố, dịch bệnh.

4. Công an tỉnh

Triển khai ứng dụng TTNT trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự, cải cách hành chính, quản lý xuất nhập cảnh, hệ thống kiểm soát tội phạm và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; giám sát trật tự công cộng và trật tự an toàn giao thông bằng hình ảnh; xây dựng các giải pháp phòng chống tội phạm sử dụng thành tựu về TTNT

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Trên cơ sở chính sách Trung ương ban hành, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với sở ngành, địa phương triển khai thực hiện tốt cơ chế chính sách về đổi mới sáng tạo để thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nghiên cứu, phát triển và ứng dụng TTNT trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.

Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn đầu tư công trung hạn để xây dựng hạ tầng phục vụ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng TTNT trên địa bàn tỉnh”

6. Sở Công Thương

- Tập hợp, chuẩn hóa, chia sẻ các bộ dữ liệu mở trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực công nghiệp phục vụ cho nhu cầu ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực này.

- Triển khai các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực công nghiệp, năng lượng nhằm thông minh hóa, tự động hóa quy trình sản xuất sản phẩm, nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm công nghiệp; Điều hành sản xuất, cung cấp, điều độ trong công nghiệp năng lượng.

- Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh ngành Công Thương triển khai ứng dụng CNTT trong lĩnh vực thương mại điện tử: Tự động hóa nhà xưởng và điều hành quản lý; tự động thanh toán tại cửa hàng và hoàn thiện phân phối; tối ưu hóa bán hàng, phân loại sản phẩm; tối ưu hóa giá, cá nhân hóa quảng bá; dự báo xu hướng nhu cầu, tối đa hóa và tự động hóa đàm phán và thương lượng với nhà cung cấp; cá nhân hóa các khuyến nghị, cung cấp hỗ trợ trực tuyến với các trợ lý ảo và chatbot.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Xây dựng phần mềm thu thập dữ liệu trong nông nghiệp trong đó tích hợp các thông tin nông nghiệp, dự báo sâu bệnh hại cho cây lúa, rau màu, cây ăn trái qua đó tập hợp, chuẩn hóa, chia sẻ các bộ dữ liệu mở trong lĩnh vực nông nghiệp phục vụ cho nhu cầu ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực này.

- Ứng dụng CNTT trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nhằm cải tiến thông minh hóa, tự động hóa quy trình sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm nông nghiệp, đảm bảo quy trình sản xuất, xuất xứ minh bạch, cung cấp thực phẩm sạch cho người tiêu dùng.

- Triển khai các ứng dụng CNTT trong Hệ thống cung cấp và thu thập thông tin nông nghiệp; giám sát chuỗi giá trị phục vụ truy xuất nguồn gốc nông sản; nhóm các giải pháp internet vạn vật ứng dụng trong nông nghiệp.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường

Triển khai các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Hệ thống quản lý thông tin đất đai; dự báo số liệu ngành tài nguyên môi trường; áp dụng CNTT trong quan trắc, thu nhận, đo đạc, điều tra, khảo sát về đất đai và tài nguyên môi trường nhằm cung cấp và chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc, điều tra cơ bản về đất đai và tài nguyên môi trường theo thời gian thực; đảm bảo xử lý hiệu quả ô nhiễm môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Nghiên cứu đề xuất phát triển và triển khai các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường: dự báo số liệu ngành tài nguyên môi trường, áp dụng CNTT trong quan trắc, thu nhận, đo đạc, điều tra, khảo sát về đất đai và tài nguyên môi trường nhằm cung cấp và chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc, điều tra cơ bản về đất đai và tài nguyên môi trường theo thời gian thực.

9. Sở Giao thông vận tải

Triển khai chuyển giao, hướng dẫn các ứng dụng CNTT của Bộ Giao thông vận tải trong lĩnh vực giao thông, vận tải và logistics đồng bộ trên cả nước. Nhằm tự động phát hiện định danh phương tiện giao thông, xác định tốc độ và tự động hóa quy trình xử lý tại các trung tâm giám sát điều hành giao thông đường bộ, đường thủy, cảng sông, biển ...; cải tiến quy trình của trạm giám sát và thu phí

giao thông đường bộ gắn với phát hiện và nhận dạng phương tiện giao thông; cung cấp dữ liệu phục vụ tối ưu hóa các hệ thống logistics; khuyến khích phát triển các dịch vụ tự động tìm đường, mô hình vận tải công nghệ; nghiên cứu triển khai các giải pháp cảnh báo tình huống nguy hiểm cho người điều khiển phương tiện; hỗ trợ thống kê, đánh giá, phân tích và lập kế hoạch phục vụ công tác bảo trì, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng giao thông, xây dựng quy hoạch giao thông vận tải, quản lý điều hành giao thông thông minh.

10. Sở Xây dựng

Triển khai các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh.

11. Sở Y tế

- Tập hợp, chuẩn hóa, chia sẻ các bộ dữ liệu mở trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực y tế là đầu vào cho các ứng dụng sẵn có, phục vụ cho nhu cầu ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực này.

- Ứng dụng CNTT trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe người dân: Hỗ trợ bác sỹ trong phát hiện, chẩn đoán và ra quyết định, theo dõi và chăm sóc sức khỏe bệnh nhân từ xa, cá nhân hoá việc điều trị, nghiên cứu sản xuất, bào chế thuốc và phòng chống dịch bệnh.

12. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Triển khai các chương trình đào tạo STEAM cho thanh thiếu niên; triển khai các chương trình giới thiệu kỹ năng xây dựng dữ liệu, ứng dụng CNTT cho thanh thiếu niên.

- Triển khai các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực giáo dục: Tự động hóa quy trình nghiệp vụ của giáo viên; xác định các tiêu chí nhằm đạt mục tiêu học tập; cá nhân hóa việc học tập, nâng cao hiệu quả học tập có sự trợ giúp của giáo viên và trợ giảng ảo.

13. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Triển khai các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực văn hóa và du lịch: Hệ thống quản lý lưu trú liên thông; hệ thống Booth du lịch; tự động hóa quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa các điểm đến và các di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh, kết hợp với các dịch vụ tư vấn du lịch thông minh hướng người dùng; dự báo xu hướng và cá nhân hóa loại hình du lịch dựa trên phân tích thông tin trên mạng xã hội quan điểm người dùng, góp phần nâng cao chất lượng quy hoạch và chất lượng dịch vụ du lịch thông minh.

14. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì phối hợp với các viện, trường đại học, doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong tỉnh triển khai tư vấn đào tạo về CNTT và đào tạo nghề nghiệp cho người lao động có nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp liên quan lĩnh vực CNTT trên địa bàn tỉnh.

15. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Sóc Trăng

Triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về ứng dụng CNTT trong lĩnh vực ngân hàng; tăng cường thông tin, tuyên truyền đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn về các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực ngân hàng để người dân, doanh nghiệp nắm bắt và tiếp cận.

16. Sở Tư pháp

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu kết nối hệ thống lý lịch tư pháp theo tiêu chuẩn.

17. Sở Nội vụ

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức về ứng dụng CNTT.

18. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của các sở, ban, ngành, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch phù hợp với khả năng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước để thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT.

19. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

Phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội, các viện, trường đại học, doanh nghiệp, các tổ chức nghiên cứu phát triển công nghệ ngoài nhà nước triển khai tư vấn đào tạo về CNTT và đào tạo nghề nghiệp cho người lao động có nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp liên quan lĩnh vực CNTT phù hợp với tình hình thực tế, điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: Nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, vốn doanh nghiệp, tài trợ quốc tế và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Khái toán kinh phí thực hiện kế hoạch: 64.200.000.000 đồng

(Số tiền bằng chữ: Sáu mươi bốn tỷ, hai trăm triệu đồng) (Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

- Giai đoạn 2021 - 2025: 24.100.000.000 đồng

+ Kinh phí trung ương và nguồn khác: 14.000.000.000 đồng

+ Kinh phí địa phương: 10.000.000.000 đồng

- Giai đoạn 2026 - 2030: 40.100.000.000 đồng

+ Kinh phí trung ương và nguồn khác: 20.100.000.000 đồng

+ Kinh phí địa phương: 20.100.000.000 đồng

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm: Làm đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh; chủ trì tổ chức thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp, trao đổi thông tin

với Vụ Công nghệ cao thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch.

Trước ngày 30 tháng 9 hàng năm tổng hợp kinh phí thực hiện kế hoạch từ các sở, ngành, địa phương gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Các sở, ngành, cơ quan liên quan có trách nhiệm: tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định pháp luật hiện hành; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các bộ, ngành chủ quản triển khai các nội dung, nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch; hàng năm trước ngày 15 tháng 9 kết hợp dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch vào nhiệm vụ của ngành đồng thời thông tin đến Sở KH&CN tổng hợp.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các sở, ngành triển khai thực hiện Kế hoạch, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đẩy mạnh việc ứng dụng các giải pháp TTNT trong quản lý đô thị, quản lý xã hội và hành chính công.

4. Các sở, ngành, địa phương định kỳ hàng năm báo cáo tình hình tham mưu thực hiện kế hoạch về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 01 tháng 12 để Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét báo cáo Bộ KH&CN.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, địa phương kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
- Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Sóc Trăng;
- Báo Sóc Trăng;
- Lưu: VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH